

Nội dung bài viết

1. [Giải Bài đọc 1: Làm việc thật là vui trang 3, 4 VBT Tiếng Việt lớp 2 - Cánh Diều](#)
2. [Giải Bài đọc 2: Mỗi người một việc trang 4, 5 VBT Tiếng Việt lớp 2 - Cánh Diều](#)

Giải Bài đọc 1: Làm việc thật là vui trang 3, 4 VBT Tiếng Việt lớp 2 - Cánh Diều

Câu hỏi và bài tập Đọc hiểu

Câu 1 (trang 3 VBT Tiếng Việt 2 tập 1 Cánh diều)

Mỗi vật, con vật được nói trong bài đọc làm việc gì? Nối đúng:

a) Cái đồng hồ	1) gáy vang ò... ó... o... báo sáng.
b) Con gà trống	2) tích tắc, tích tắc báo phút, báo giờ.
c) Chim tu hú	3) nở hoa cho ngày xuân tươi bừng.
d) Chim sâu	4) kêu tu hú, tu hú báo mùa vải chín.
e) Cành đào	5) bắt sâu, bảo vệ mùa màng.

Trả lời:

a) Cái đồng hồ	1) gáy vang ồ... ó... o... báo sáng.
b) Con gà trống	2) tích tắc, tích tắc báo phút, báo giờ.
c) Chim tu hú	3) nở hoa cho ngày xuân tung bưng.
d) Chim sâu	4) kêu tu hú, tu hú báo mùa vải chín.
e) Cành đào	5) bắt sâu, bảo vệ mùa màng.

Câu 2 (trang 3 VBT Tiếng Việt 2 tập 1 Cánh diều)

Bé bận rộn như thế nào? Gạch dưới từ ngữ cho em biết đi đâu đó:

Như mọi vật, mọi người, bé cũng làm việc. Bé làm bài, bé đi học, bé quét nhà, nhặt rau, chơi với em đỡ mẹ. Bé luôn luôn bận rộn mà lúc nào cũng vui.

Trả lời:

Như mọi vật, mọi người, bé cũng làm việc. Bé làm bài, bé đi học, bé quét nhà, nhặt rau, chơi với em đỡ mẹ. Bé luôn luôn bận rộn mà lúc nào cũng vui.

Câu 3 (trang 3 VBT Tiếng Việt 2 tập 1 Cánh diều)

Vì sao bé bận rộn mà lúc nào cũng vui?

Khoanh tròn chữ cái trước ý em thích:

- a. Vì bé làm việc có ích.
- b. Vì bé yêu những việc mình làm.
- c. Vì bé được làm việc như mọi vật, mọi người.

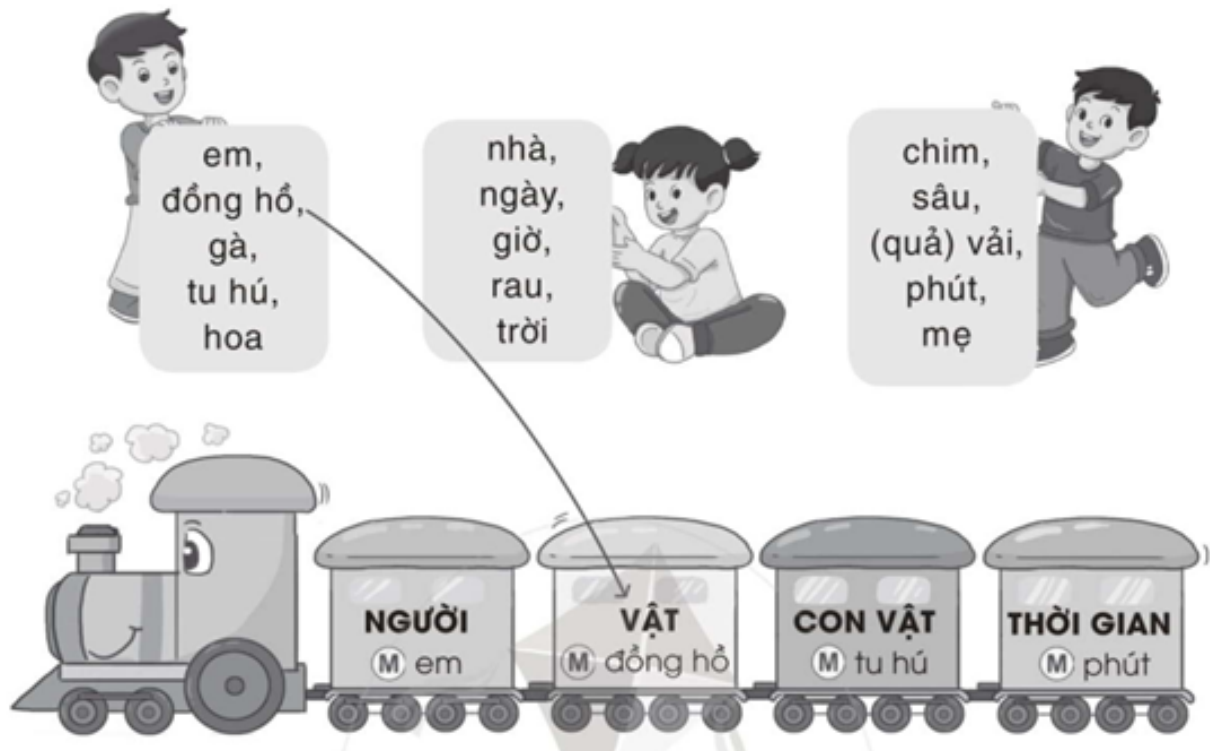
Trả lời:

Học sinh khoanh chọn ý trả lời em thích.

Câu hỏi và bài tập Luyện tập

Câu 1 (trang 3,4 VBT Tiếng Việt 2 tập 1 Cánh diều)

Tưởng tượng mỗi từ ngữ dưới đây là một hành khách. Hãy xếp mỗi hành khách vào toa tàu hợp lý.



Trả lời:

- Người: em, mẹ
- Vật: đồng hồ, hoa, nhà, rau, trời, (quả) vải.
- Con vật: gà, tu hú, chim, sâu
- Thời gian: ngày, giờ, phút.

Câu 2 (trang 4 VBT Tiếng Việt 2 tập 1 Cánh diều)

Viết thêm các từ ngữ ngoài bài đọc chỉ người, vật, con vật, thời gian:

- Người:
- Vật:
- Con vật:

- Thời gian:

Trả lời:

- Người: bố, ông, bà, cô, dì
- Vật: quyển sách, bàn học, khăn mặt, điện thoại
- Con vật: mèo, chó, trâu, hổ
- Thời gian: giây, tháng, năm

Giải Bài đọc 2: Mỗi người một việc trang 4, 5 VBT Tiếng Việt lớp 2 - Cánh Diều

Câu hỏi và bài tập Đọc hiểu**Câu 1 (trang 4 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 1):**

Bài thơ nói đến những đồ vật, con vật và loài cây nào?

Trả lời:

Đồ vật: Cái chổi, cây kim sợi chỉ, đờng hồ, cái rá, hòn than, cánh cửa

Con vật: con gà

Loài cây: cây mướp

Câu 2 (trang 4 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 1):

Hãy viết về những ích lợi của một đồ vật (hoặc con vật, loài cây) trong bài thơ.

Trả lời:

Lợi ích của một số đồ vật (con vật, loài cây) trong bài thơ:

- Lợi ích của cây kim sợi chỉ là giúp bà may vá
- Lợi ích của đờng hồ là để chỉ thời gian
- Lợi ích của con gà là báo thức mỗi buổi sáng
- Lợi ích cái chổi là để quét rác, quét nhà...

Câu 3 (trang 5 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 1):

Tìm và ghi lại một câu hỏi trong bài thơ và trả lời câu hỏi

Trả lời:

Câu hỏi trong bài thơ: Bé ngoan làm được việc nào, bé ơi?

Trả lời: Bé ngoan lấy chổi quét sân quét nhà sạch sẽ.

Câu hỏi và bài tập Luyện tập**Câu 1 (trang 5 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 1):**

Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.

Trả lời:

Người: bé

Vật: chổi, kim, chỉ, vở, ngọn mướp, đồng hồ, cánh cửa

Con vật: gà

Thời gian: buổi sáng.

Câu 2 (trang 5 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 1):

Tìm trong các từ ngữ trên:

- Một từ ngữ trả lời cho câu hỏi Ai?
- Một từ ngữ trả lời cho câu hỏi Con gì?
- Một từ ngữ trả lời cho câu hỏi Cái gì?

Trả lời:

Trong các từ ngữ trên:

- Một từ ngữ trả lời cho câu hỏi Ai là: bé
- Một từ ngữ trả lời cho câu hỏi Con gì: gà

c. Một từ trả lời cho câu hỏi Cái gì: chổi, kim, chỉ, vở, ngọn mướp, đờng h ò, cánh cửa

Bài viết 2:**Câu 1 (trang 5 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 1):**

Ghép từ ngữ ở cột A với cột B để tạo thành câu:

a) Bạn Quang Hải

1) là một đồ dùng học tập.

b) Bút

2) là học sinh lớp 2A.

c) Chim sâu

3) là cây ăn quả.

d) Cam

4) là loài chim có ích.

Trả lời:

Nối a – 2, b – 1, c – 4, d – 3

Câu 2 (trang 6 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 1):

Đặt câu hỏi cho từng bộ phận của một trong các câu trên:

Trả lời:

- Ai là học sinh lớp 2A

- Bạn Quang Hải là ai?

Câu 3 (trang 6 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 1):

Viết lời giới thiệu bản thân, sử dụng mẫu câu Ai là gì?

Trả lời:

Xin chào tất các bạn, tôi là Trương Khải Minh. Tôi là học sinh lớp 2B2 trường tiểu học Kim Đờng. Ước mơ lớn nhất của tôi là trở thành một phi công để được trở thật nhiều những hành khách đi tới vùng đất mới. Để có thể thực hiện ước mơ của

mình tôi sẽ cố gắng học thật giỏi môn Toán. Sau đây, tôi xin phép trình bày bài hát “Mái trường mến yêu”.